Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 03.07.2026 14:13:11 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44 /2026/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo hình thức đặt hàng, bao gồm các dịch vụ sau:

1. Vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập.

2. Vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ, chỉnh trị luồng hàng hải công cộng).

3. Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển.

4. Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo hình thức đặt hàng.

Chương II
TIÊU CHÍ, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

Điều 3. Tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

1. Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ luồng, chỉnh trị luồng hàng hải công cộng) được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tiêu chí chất lượng dịch vụ Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tiêu chí chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

1. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện định kỳ, đột xuất gồm kiểm tra hồ sơ và kiểm tra xác suất tại hiện trường.

2. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo các tiêu chí quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Các phương tiện thuỷ phục vụ công tác: vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập (bao gồm vận hành, bảo trì đèn biển; công tác tiếp tế định kỳ); vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm kiểm tra tổng quan; bảo trì báo hiệu hàng hải; thay, thả phao báo hiệu hàng hải; sơn bảo dưỡng báo hiệu hàng hải; công tác tiếp tế định kỳ) phải lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (AIS) hoặc thiết bị giám sát hành trình sử dụng công nghệ định vị GPS toàn cầu kết hợp với sóng di động để phục vụ kiểm tra, giám sát.

4. Các phương tiện giao thông đường bộ phục vụ công tác tiếp tế định kỳ tại

các trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải công cộng phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình sử dụng công nghệ định vị GPS toàn cầu kết hợp với sóng di động để phục vụ kiểm tra, giám sát.

Điều 5. Đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được đánh giá theo mức "Đạt" hoặc "Không đạt".

2. Đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập theo các nội dung quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện như sau:

a) Khi tiêu chí quy định tại hạng mục "Chức năng của báo hiệu" được đánh giá trên hồ sơ hoặc tại hiện trường nếu "Không đạt", đơn vị được nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải (sau đây được gọi tắt là đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công) phải hoàn thành khắc phục trong thời hạn tối đa 48 giờ (trừ thời gian bất khả kháng) và chịu hoàn toàn chi phí. Kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để thực hiện đánh giá lại chất lượng;

Trường hợp đèn biển, đăng tiêu độc lập không hoạt động hoặc không đáp ứng yêu cầu của một trong các tiêu chí tại hạng mục "Chức năng của báo hiệu" dẫn tới việc đánh giá tại hạng mục "Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập" là "Không đạt" thì hạng mục "Chức năng của báo hiệu" được đánh giá là "Không đạt".

b) Trường hợp hạng mục "Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập" được đánh giá là "Không đạt" thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập đó trong kỳ đánh giá là "Không đạt";

c) Các tiêu chí tại hạng mục "Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu", "Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình" và "Công tác quản lý tại trạm" khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường là "Không đạt", đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải hoàn thành khắc phục trong thời hạn tối đa 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng) và chịu hoàn toàn chi phí. Kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để thực hiện đánh giá lại chất lượng.

3. Đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ, chỉnh trị luồng hàng hải công cộng) theo các nội dung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện như sau:

a) Khi tiêu chí quy định tại hạng mục "Chức năng của báo hiệu" được đánh giá trên hồ sơ hoặc tại hiện trường nếu "Không đạt", đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải hoàn thành khắc phục trong thời hạn tối đa 48 giờ (trừ thời gian bất khả kháng) và chịu hoàn toàn chi phí. Kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để thực hiện đánh giá lại chất lượng;

Trường hợp báo hiệu không hoạt động hoặc không đáp ứng yêu cầu của một trong các tiêu chí tại hạng mục "Chức năng của báo hiệu" dẫn tới việc đánh giá tại hạng mục "Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng" là "Không đạt" thì hạng mục "Chức năng của báo hiệu" được đánh giá là "Không đạt".

b) Trường hợp hạng mục "Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng" được đánh giá là "Không đạt" thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng đó trong kỳ đánh giá là "Không đạt";

c) Các tiêu chí tại hạng mục "Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu", "Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình", "Công tác quản lý tại trạm" và "Công tác kiểm tra thường xuyên đê kè" khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường là "Không đạt", đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải hoàn thành khắc phục trong thời hạn tối đa 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng) và chịu hoàn toàn chi phí. Kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để thực hiện đánh giá lại chất lượng.

4. Đánh giá chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển theo các nội dung quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện như sau:

a) Khi đánh giá trên hồ sơ hoặc tại hiện trường là "Không đạt" thì đánh giá tổng hợp dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển trong kỳ đánh giá là "Không đạt";

b) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải bổ sung hồ sơ tối đa trong vòng 03 ngày (trừ trường hợp bất khả kháng) nếu không hoàn thành công tác bổ sung thì được đánh giá là "Không đạt".

5. Đánh giá chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải theo các nội dung quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện như sau:

Khi đánh giá trên hồ sơ hoặc tại hiện trường là "Không đạt" thì đánh giá tổng hợp dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải trong kỳ đánh giá là "Không đạt", đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải hoàn thành khắc phục trong thời hạn tối đa 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng) và chịu hoàn toàn chi phí. Kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh.

Điều 6. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải

1. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập

a) Đèn biển, đăng tiêu độc lập có các hạng mục "Chức năng của báo hiệu" và "Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập" đánh giá là "Không đạt" sẽ không được nghiệm thu;

b) Phần khối lượng công việc của đèn biển, đăng tiêu độc lập có các hạng mục "Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu", "Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình" và "Công tác quản lý tại trạm" được đánh giá là "Không đạt" thì không được nghiệm thu.

2. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ luồng hàng hải công cộng)

a) Báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng có các hạng mục "Chức năng của báo hiệu" và "Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng" đánh giá là "Không đạt" thì không được nghiệm thu;

b) Phần khối lượng công việc của báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng có các hạng mục "Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu", "Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình" và "Công tác quản lý tại trạm", "Công tác kiểm tra thường xuyên đê kè" được đánh giá là "Không đạt" thì không được nghiệm thu.

3. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển: các sản phẩm đánh giá là "Không đạt" thì không được nghiệm thu.

4. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải: các hạng mục được đánh giá là "Không đạt" thì không được nghiệm thu.

5. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện định kỳ hàng tháng, 06 tháng và 01 năm.

a) Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tổ chức nghiệm thu hàng tháng;

b) Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức nghiệm thu 06 tháng và 01 năm.

6. Hồ sơ nghiệm thu

a) Nghiệm thu hàng tháng gồm các hồ sơ chính như sau: báo cáo kết quả thực hiện chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; các loại nhật ký liên quan; dữ liệu giám sát; xác nhận của các cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và khi vùng hoạt động của các báo hiệu hàng hải không có các cơ quan này thì lấy xác nhận của các cơ quan, đơn vị liên quan, kèm theo các hồ sơ nghiệm thu có liên quan của Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

b) Nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm gồm các hồ sơ chính như sau: báo cáo kết quả thực hiện chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; biên bản nghiệm thu hàng tháng của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; các hồ sơ quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

7. Các mẫu phục vụ công tác nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công

bảo đảm an toàn hàng hải quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Phân công tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức giám sát, kiểm tra xác suất việc thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải định kỳ hàng quý hoặc đột xuất;

b) Căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm của Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, hồ sơ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 6 Thông tư này và kết quả kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường, tiến hành đánh giá và nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải 02 lần trong năm (06 tháng đầu năm và cả năm) theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư này.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công chịu trách nhiệm:

a) Trước khi triển khai thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, phải thực hiện việc phê duyệt kế hoạch lao động và bố trí nhân sự tại các trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải theo kế hoạch nhằm bảo đảm chất lượng cung cấp dịch vụ;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất và nghiệm thu việc thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Thông tư này, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, giám sát, nghiệm thu của mình;

c) Lập báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm gửi Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam làm cơ sở để phục vụ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công;

d) Thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải hàng tháng, 06 tháng đầu năm và cả năm;

đ) Phối hợp với Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa khu vực có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công kiểm tra định kỳ, đột xuất và xác nhận tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải, các vụ việc đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải trong phạm vi quản lý.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Các dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, công việc, hồ sơ đã thực hiện theo quy định của Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải và Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng để phục vụ công tác nghiệm thu trong năm./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng; Tạp chí xây dựng;
- Lưu: VT, Cục KCHTXD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ XÂY DỰNG

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục 1
TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP

(Kèm theo Thông tư số 44 /2026/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1. Chức năng của báo hiệu		
1.1. Báo hiệu thị giác		
1.1.1. Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp)	- Quan sát trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã được công bố thông báo hàng hải. - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép ±10% chu kỳ.
1.1.2. Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa), quan sát bằng mắt thường, kết hợp hải đồ và thiết bị hành hải trên tàu (GPS, ra-đa, ECDIS, AIS...) để xác định khoảng cách từ vị trí người quan sát bắt đầu nhận biết (hoặc không nhận biết) được báo hiệu.	- Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong phạm vi tầm hiệu lực ban ngày, trong điều kiện kiểm tra bình thường báo hiệu phải đảm bảo nhận biết được bằng mắt thường. - Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.
1.1.3. Hình dáng báo hiệu	Quan sát trực quan hình dáng báo hiệu.	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.
1.1.4. Màu sắc báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc báo hiệu.	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.
1.2. Báo hiệu vô tuyến điện (AIS, racon)		
1.2.1. Thông tin truyền phát, đặc tính	- Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon.	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin đã được công bố thông báo hàng hải.
1.2.2. Tầm hiệu lực	- Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu	Tầm hiệu lực của báo hiệu AIS, Racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 98% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.

	nhận) được tín hiệu báo hiệu hàng hải AIS. - Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu Racon.	
2. Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu		
2.1. Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	- Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn báo hiệu. - Kiểm tra tính sẵn sàng (số lượng, tình trạng hoạt động).	- Đối với đèn biển bố trí tối thiểu 02 bộ thiết bị báo hiệu ánh sáng: 01 bộ đèn chính thỏa mãn với thông báo hàng hải về đặc tính ánh sáng, tầm hiệu lực và 01 bộ đèn dự phòng có đặc tính ánh sáng giống với đèn chính, tầm hiệu lực tối thiểu bằng 75% đèn chính. - Trong trường hợp đèn chính bị sự cố, đèn dự phòng phải được kích hoạt hoạt động, thời gian kích hoạt không quá 03 phút.
2.2. Báo hiệu vô tuyến điện	- Kiểm tra nhật ký hoạt động của báo hiệu vô tuyến điện. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động. - Kiểm tra hoạt động của thiết bị truyền dữ liệu AIS về trung tâm (nếu có); nhật ký vận hành trung tâm dữ liệu.	Bảo đảm tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị.
2.3. Nguồn cung cấp năng lượng điện (điện lưới, pin năng lượng mặt trời, máy phát điện)	- Kiểm tra các nhật ký có liên quan. - Kiểm tra tính sẵn sàng (số lượng, tình trạng hoạt động).	Có ít nhất 02 hệ thống nguồn cung cấp năng lượng điện độc lập, bảo đảm khả năng cung cấp điện 24h/24h.
2.4. Thiết bị thông tin liên lạc (VHF/ MF/HF/điện thoại)	- Kiểm tra hoạt động của thiết bị thông tin liên lạc. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.	- Các trung tâm thông tin được trang bị tối thiểu 01 hệ thống thông tin liên lạc vô tuyến (01 máy VHF và 01 máy MF/HF) và 01 thiết bị thông tin liên lạc dự phòng phù hợp đảm bảo liên lạc từ trung tâm thông tin đến các trạm quản lý đèn biển. - Trạm quản lý đèn biển có người thường trực phải được trang bị tối thiểu 02 thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến phù hợp.
3. Công tác bảo		

<table>
<tr><td>trì, sửa chữa cơ khí, công trình</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3.1. Bảo trì, sửa chữa công trình</td><td>- Kiểm tra trực quan.
- Kiểm tra hồ sơ hoàn công.</td><td>Các hạng mục công việc thực hiện phù hợp với hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công.</td></tr>
<tr><td>3.2. Bảo trì, sửa chữa cơ khí</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3.2.1. Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ</td><td>- Kiểm tra trực quan thực tế vận hành của phương tiện.
- Kiểm tra hồ sơ hoàn công.</td><td>- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn công.
- Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định.
- Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực.</td></tr>
<tr><td>3.2.2. Bảo trì, sửa chữa thiết bị: thiết bị báo hiệu, thông tin liên lạc, thiết bị cung cấp nguồn năng lượng.</td><td>- Kiểm tra trực quan.
- Kiểm tra hồ sơ hoàn công.</td><td>- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn công.
- Các giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có).</td></tr>
<tr><td>3.2.3. Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét (phần tháp đèn và đăng tiêu gần đèn)</td><td>- Kiểm tra trực quan.
- Kiểm tra điện trở tiếp đất chống sét.
- Kiểm tra hồ sơ hoàn công.</td><td>- Đáp ứng thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn hiện hành.
- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn công.</td></tr>
<tr><td>4. Công tác quản lý tại trạm</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>- Kiểm tra nhật ký tại trạm.
- Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành (nếu có).
- Kiểm tra tình trạng hoạt động của báo hiệu và xác nhận của cơ quan chức năng.
- Kiểm tra dữ liệu AIS hoặc dữ liệu thiết bị giám sát hành trình của phương tiện thuỷ; dữ liệu giám sát hành trình của phương tiện đường bộ phục vụ công tác tiếp tế định kỳ.</td><td>- Ghi chép nhật ký đầy đủ.
- Phương tiện (nếu có) bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện địa lý của khu vực quản lý và quy định của quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện.
- Có xác nhận của cơ quan chức năng về tình trạng hoạt động của báo hiệu.
- Các đặc tính của báo hiệu phù hợp thông báo hàng hải gần nhất.
- Dữ liệu AIS hoặc dữ liệu thiết bị giám sát hành trình của phương tiện thuỷ; dữ liệu giám sát hành trình của phương tiện đường bộ phục vụ công tác tiếp tế phù hợp với nhật ký và các hồ sơ liên quan.</td></tr>
<tr><td>5. Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau:
$$A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$$</td><td>Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu:
<table>
<tr><td>Đèn biển, đăng tiêu độc lập</td><td>T = 06 tháng</td><td>T = 01 năm</td></tr>
<tr><td>Đèn biển có người thường trực</td><td>98,8%</td><td>99,4%</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

	Trong đó: + (A) là chỉ số khả dụng tính bằng %; + (T) là thời gian đánh giá hoạt động của đèn biển, đăng tiêu độc lập (số ngày ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm, được tính bằng ngày); + (t) là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà đèn biển không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải gần nhất của cơ quan có thẩm quyền công bố (sai lệch quá mức cho phép, hoạt động không đúng một trong các chức năng), không bao gồm thời gian dừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh...) hoặc các nguyên nhân khác và được cấp có thẩm quyền ra thông báo hàng hải.	Đèn biển không có người thường trực	97,8%	98,9%

Phụ lục 2

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CÔNG TÁC KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN HỆ THỐNG ĐÊ CHẮN SÓNG, ĐÊ CHẮN CÁT, KÈ HƯỚNG DÒNG, KÈ BẢO VỆ BỜ, CHỈNH TRỊ LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG)

(Kèm theo Thông tư số 44 /2026/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1. Chức năng của báo hiệu		
1.1 Vị trí báo hiệu nổi	- Kiểm tra vị trí thực tế báo hiệu nổi bằng máy định vị cầm tay. - Đối với báo hiệu có lắp AIS, sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra vị trí.	Vị trí của báo hiệu nổi phù hợp với thông báo hàng hải đã được công bố, không vượt quá độ lệch cho phép theo quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải.
1.2. Báo hiệu thị giác		
1.2.1. Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp)	- Quan sát trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp. - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã được công bố thông báo hàng hải gần nhất (bao gồm cả tính chất chớp đồng bộ nếu có). - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép ±10% chu kỳ.
1.2.2. Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa), quan sát bằng mắt thường, kết hợp hải đồ và thiết bị hành hải trên tàu (GPS, ra - đa, ECDIS, AIS...) để xác định khoảng cách từ vị trí người quan sát bắt đầu nhận biết (hoặc không nhận biết) được báo hiệu.	- Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải và điều kiện địa hình tuyến luồng. - Trong phạm vi tầm hiệu lực ban ngày, trong điều kiện kiểm tra bình thường báo hiệu phải đảm bảo nhận biết được bằng mắt thường. - Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.
1.2.3. Hình dáng báo hiệu	Quan sát trực quan hình dáng báo hiệu.	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.
1.2.4. Màu sắc báo hiệu	Quan sát trực quan màu sắc báo hiệu.	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.
1.3. Báo hiệu vô tuyến điện (racon, AIS)		
1.3.1. Thông tin	- Sử dụng phần mềm quản lý	Phù hợp với các thông số truyền phát

truyền phát, đặc tính	dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon.	thông tin đã được công bố thông báo hàng hải.
1.3.2. Tầm hiệu lực	- Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu báo hiệu hàng hải AIS. - Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu Racon.	Tầm hiệu lực của báo hiệu AIS, Racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 95% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.
2. Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu		
2.1. Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	- Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn báo hiệu. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động.	Bảo đảm tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị.
2.2. Báo hiệu vô tuyến điện	- Kiểm tra nhật ký hoạt động của báo hiệu vô tuyến điện. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động. - Kiểm tra hoạt động của thiết bị truyền dữ liệu AIS về trung tâm (nếu có); nhật ký vận hành trung tâm dữ liệu.	Bảo đảm tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị.
2.3. Nguồn cung cấp năng lượng điện (điện lưới, pin năng lượng mặt trời, máy phát điện)	- Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra hiện trường về số lượng, tình trạng hoạt động.	- Hệ thống cung cấp năng lượng điện bảo đảm khả năng sẵn sàng hoạt động. - Nguồn cung cấp năng lượng điện đảm bảo cho các báo hiệu hàng hải trên luồng hoạt động 24h/24h. - Đối với các trạm quản lý báo hiệu chưa có điện lưới được trang bị 02 máy phát điện có công suất phù hợp phục vụ sản xuất, sinh hoạt, đối với các trạm quản lý báo hiệu sử dụng điện lưới được trang bị 01 máy phát điện có công suất phù hợp để dự phòng khi mất điện lưới.
2.4. Thiết bị thông	- Kiểm tra hoạt động của thiết	- Các trung tâm thông tin được trang bị

tin liên lạc (VHF/MF/HF/điện thoại)	bị thông tin liên lạc. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.	tối thiểu 01 hệ thống thông tin liên lạc vô tuyến (01 máy VHF và 01 máy MF/HF) và 01 thiết bị thông tin liên lạc dự phòng phù hợp đảm bảo liên lạc từ trung tâm thông tin đến các trạm quản lý luồng hàng hải. - Trạm quản lý luồng hàng hải có người thường trực phải được trang bị tối thiểu 02 thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến phù hợp.
3. Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình		
3.1. Bảo trì, sửa chữa công trình	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn công.	Các hạng mục công việc thực hiện phù hợp với hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công.
3.2. Bảo trì, sửa chữa cơ khí		
3.2.1. Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn công.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn công. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực.
3.2.2. Bảo trì, sửa chữa thiết bị (thiết bị đèn; thông tin liên lạc; thiết bị cung cấp nguồn năng lượng)	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn công.	- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ bảo trì, sửa chữa. - Các giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có).
3.2.3. Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn công.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành về chống sét. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn công.
3.2.4. Bảo trì, sửa chữa phao báo hiệu	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của phao báo hiệu. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn công.
4. Công tác quản lý tại trạm		
	- Kiểm tra nhật ký tại trạm (trạm và phương tiện). - Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành. - Kiểm tra tình trạng hoạt	- Ghi nhật ký đầy đủ. - Phương tiện bảo đảm an toàn, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về phương tiện thủy. - Các đặc tính của báo hiệu phù hợp với thông báo hàng hải gần nhất;

<table>
<tr><td></td><td>động của báo hiệu và xác nhận của cơ quan chức năng.
- Kiểm tra dữ liệu AIS hoặc dữ liệu thiết bị giám sát hành trình của phương tiện thuỷ phục vụ công tác tiếp tế định kỳ; kiểm tra tổng quan, kiểm tra bảo trì; sơn bảo dưỡng báo hiệu hàng hải trên luồng; thay, thả phao báo hiệu hàng hải trên luồng.
- Kiểm tra dữ liệu giám sát hành trình của phương tiện đường bộ phục vụ công tác tiếp tế định kỳ.</td><td>- Dữ liệu AIS hoặc dữ liệu giám sát hành trình khác phù hợp với nhật ký và các hồ sơ liên quan.
- Dữ liệu giám sát hành trình của phương tiện đường bộ phục vụ công tác tiếp tế định kỳ phù hợp với nhật ký và các hồ sơ liên quan.</td></tr>
<tr><td>4.1. Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau:
$$A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$$
Trong đó:
+ (A) là chỉ số khả dụng tính bằng %;
+ (T) là thời gian đánh giá hoạt động của báo hiệu hàng hải (số ngày ứng với chu kỳ đánh giá là 06 tháng và 01 năm);
+ (t) là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải gần nhất của cơ quan có thẩm quyền công bố (sai lệch quá mức cho phép, hoạt động không đúng một trong các chức năng) không bao gồm thời gian dừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh...) hoặc các nguyên nhân khác và được cấp có thẩm quyền ra thông báo hàng hải;
- Chỉ số khả dụng tổng hợp của hệ thống báo hiệu hàng</td><td>- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 6 tháng như sau:
<table>
<tr><td rowspan="2">Loại báo hiệu hàng hải</td><td colspan="4">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng</td></tr>
<tr><td>Cấp I</td><td>Cấp II</td><td>Cấp III</td><td>Cấp IV</td></tr>
<tr><td>Báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện</td><td>97,8</td><td>97,8</td><td>97,8</td><td>97,8</td></tr>
<tr><td>Đăng tiêu, chập tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát</td><td>97,8</td><td>96,6</td><td>95,6</td><td>94,4</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

	hải trên luồng là tỷ lệ phần trăm giữa số lượng báo hiệu đạt yêu cầu chỉ số khả dụng với lượng báo hiệu trên luồng. Chỉ số này được dùng để đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành luồng trong chu kỳ đánh giá.	thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn Chuyên dùng)				
		Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	96,6	95,6	94,4	93,4
		Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng	95,6	94,4	93,4	92,2
		- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 1 năm như sau:				
		Báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng	98,9	98,9	98,9	98,9

		ngại vật nguy hiểm mới phát hiện				
		Đăng tiêu, chập tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	98,9	98,3	97,8	97,2
		Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	98,3	97,8	97,2	96,7
		Báo hiệu hai bên luồng, báo	97,8	97,2	96,7	96,1

		hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng				
		- Chỉ số khả dụng tổng hợp yêu cầu tối thiểu của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng phải ≥ 90%. - Phân cấp luồng hàng hải theo tiêu chuẩn yêu cầu chất lượng dịch vụ vận hành luồng hàng hải.				
4.2. Công tác kiểm tra thường xuyên đê, kè	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra nhật ký.	- Nhật ký được ghi chép đầy đủ nội dung. - Hiện trạng của đê kè phù hợp với nội dung ghi chép tại hồ sơ, nhật ký kiểm tra - Số lần thực hiện đảm bảo theo quy định.				

Phụ lục 3

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHẢO SÁT ĐỊNH KỲ PHỤC VỤ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI ĐỐI VỚI LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CẢ VỊ TRÍ ĐÓN TRẢ HOA TIÊU), KHU CHUYỂN TẢI, KHU NEO ĐẬU, KHU TRÁNH, TRÚ BÃO TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

(Kèm theo Thông tư số 44 /2026/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
Tần suất khảo sát	Kiểm tra số lần thực hiện và thời gian giữa các lần khảo sát.	- Phù hợp với tần suất khảo sát theo quy định. - Thời gian khảo sát phù hợp với Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
Hồ sơ khảo sát	- Kiểm tra nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát. - Kiểm tra Báo cáo kết quả khảo sát (băng đo sâu, sổ thuỷ trí, nhật ký khảo sát, phương tiện, thiết bị khảo sát, mốc khống chế, dữ liệu khảo sát...); bình đồ khảo sát (tỷ lệ, phạm vi và khoảng cách giữa các tuyến đo,…). - Kiểm tra hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải.	- Hồ sơ khảo sát đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ và phương án kỹ thuật, trình bày đúng quy định và đảm bảo tính pháp lý. - Hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải được gửi tới Cảng vụ hàng hải khu vực kịp thời, phù hợp với kết quả khảo sát. - Kết quả khảo sát được thông báo hàng hải.

Phụ lục 4
TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

(Kèm theo Thông tư số 44 /2026/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Hạng mục	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
Công tác xử lý nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ thực hiện nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.	- Đầy đủ hồ sơ thể hiện việc thực hiện nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định. - Phù hợp với hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công. - Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo theo quy định.

Phụ lục 5

(Kèm theo Thông tư số 44 /2026/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01	Biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập
Mẫu số 1-A	Bảng đánh giá công tác vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập
Mẫu số 1-B	Bảng đánh giá công tác tiếp tế định kỳ đèn biển
Mẫu số 1-C	Bảng đánh giá công tác tiếp tế tại chỗ đèn biển
Mẫu số 1-D	Bảng đánh giá công tác sửa chữa cơ khí
Mẫu số 1-E	Bảng đánh giá công tác sửa chữa công trình
Mẫu số 02	Biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ luồng, chỉnh trị luồng hàng hải công cộng)
Mẫu số 2-A	Bảng tổng hợp hệ thống báo hiệu hàng hải trên các luồng hàng hải công cộng
Mẫu số 2-B	Bảng đánh giá tổng hợp công tác vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng
Mẫu số 2-C	Bảng đánh giá chi tiết công tác vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng
Mẫu số 2-D	Bảng đánh giá công tác kiểm tra tổng quan, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng
Mẫu số 2-E	Bảng đánh giá công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ luồng, chỉnh trị luồng hàng hải công cộng
Mẫu số 2-F	Bảng đánh giá công tác sơn bảo dưỡng báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng
Mẫu số 2-G	Bảng đánh giá công tác tiếp tế định kỳ trạm luồng hàng hải công cộng
Mẫu số 2-H	Bảng đánh giá công tác tiếp tế tại chỗ trạm luồng hàng hải công cộng
Mẫu số 2-I	Bảng đánh giá công tác thay, thả phao báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng
Mẫu số 2-K	Bảng đánh giá công tác sửa chữa cơ khí
Mẫu số 2-L	Bảng đánh giá công tác sửa chữa công trình
Mẫu số 03	Biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển
Mẫu số 3-A	Bảng đánh giá công tác khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển
Mẫu số 04	Biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải
Mẫu số 4-A	Bảng đánh giá công tác thực hiện nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải
Mẫu số 5-A	Biên bản xác nhận hoạt động của báo hiệu dẫn luồng hàng hải công cộng
Mẫu số 5-B	Biên bản xác nhận hoạt động của đèn biển
Mẫu số 5-C	Biên bản xác nhận kết quả khắc phục vụ việc đột xuất bảo đảm an toàn giao thông
Mẫu số 5-D	Biên bản xác nhận vụ việc đột xuất bảo đảm an toàn giao thông

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH, BẢO TRÌ ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP
Tháng.../Quý... Năm...
(*Số: ..../BBNT)*

Hôm nay, ngày ….. tháng ….. năm 20..... Chúng tôi gồm:

I. Thành phần tham gia

- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....
- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....

II. Căn cứ nghiệm thu

.....

III. Kết quả nghiệm thu

.....

IV. Kết luận

.....

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 1-A

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC VẬN HÀNH, BẢO TRÌ ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu...)

TT	Tên báo hiệu	Cấp đèn	Số giờ hoạt động trung bình 01 ngày của thiết bị báo hiệu ánh sáng	Chức năng của báo hiệu	Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu			Công tác quản lý	Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
					Báo hiệu ánh sáng	Nguồn cung cấp năng lượng	Thiết bị thông tin liên lạc		Thời gian đánh giá hoạt động (ngày)	Thời gian không hoạt động (ngày)	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu	Chỉ số khả dụng tính toán		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
I	**ĐÈN BIỂN**													
1	Tên đèn biển ...													
II	**ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP**													
1	Tên đăng tiêu...													

Mẫu số 1-B

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TIẾP TẾ ĐỊNH KỲ ĐÈN BIỂN

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Cung đường	Số lần tiếp tế thực hiện(1)				Phương tiện thực hiện tiếp tế(2)				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
I	**Tên đơn vị quản lý**										
1	Tên trạm đèn biển										
	Cung đường di chuyển										

Ghi chú:
(1) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (5) và (6)
(2) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (9) và (10)

Mẫu số 1-C

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TIẾP TẾ TẠI CHỖ ĐÈN BIỂN

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Cung đường	Số lần tiếp tế thực hiện(1)				Phương tiện thực hiện tiếp tế (2)				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
I	**Tên đơn vị quản lý**										
1	Tên trạm đèn biển										
2	...										

Ghi chú:
(1) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (5) và (6)
(2) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (9) và (10)

Mẫu số 1-D

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC SỬA CHỮA CƠ KHÍ

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Tên sản phẩm sửa chữa cơ khí	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp sửa chữa/ chu kỳ kiểm tra	Nội dung công việc	Giấy chứng nhận đăng kiểm (nếu có)	Quyết định phê duyệt	Biên bản nghiệm thu hoàn thành	Đánh giá chất lượng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
I	**Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, đường bộ**									
1	Phương tiện									
2	...									
II	**Bảo trì, sửa chữa thiết bị**									
3	Tên thiết bị ...									
4	...									
III	**Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét**									
	Tên đơn vị quản lý									
5	Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét...									
6	...									
IV	**Bảo trì, sửa chữa máy phát điện**									
	Tên đơn vị quản lý									
7	Bảo trì, sửa chữa máy phát điện tại ...									
8	...									

Mẫu số 1-E

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật theo thiết kế	Nội dung công việc	Khối lượng hoàn thành theo Hồ sơ hoàn công công trình	Khối lượng thay đổi so với Quyết định phê duyệt BCKTKT/TKBVTC (nếu có)	Đánh giá chất lượng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	...						
2	…						

Mẫu số 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CÔNG TÁC KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN HỆ THỐNG ĐÊ CHẮN SÓNG, ĐÊ CHẮN CÁT, KÈ HƯỚNG DÒNG, KÈ BẢO VỆ BỜ LUỒNG, CHỈNH TRỊ LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG)
Tháng.../Quý... Năm...
(*Số: ..../BBNT)*

Hôm nay, ngày ….. tháng ….. năm 20..... Chúng tôi gồm:

I. Thành phần tham gia

- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....
- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....

II. Căn cứ nghiệm thu

.....

III. Kết quả nghiệm thu

.....

IV. Kết luận

.....

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2-A

BẢNG TỔNG HỢP HỆ THỐNG BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN CÁC LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Luồng hàng hải	Chiều dài công bố (km)	Phao báo hiệu (1)				Tiêu báo hiệu (2)				Trạm thu/ truyền dữ liệu AIS về trung tâm	Trạm AIS phát thông tin khí tượng thuỷ văn	Cơ quan xác nhận tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải	Ghi chú
			06 tháng đầu năm		06 tháng cuối năm		06 tháng đầu năm		06 tháng cuối năm					
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
1	Luồng ...													
2	…													
	TỔNG													

Ghi chú:
(1) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (6) và (7)
(2) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (10) và (11)

Mẫu số 2-B

BẢNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP CÔNG TÁC VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Tên luồng hàng hải công cộng	Cấp luồng	Chiều dài công bố (km)	Chức năng báo hiệu			Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu			Công tác quản lý tại trạm	Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng			Đánh giá chất lượng	Ghi chú
				Ví trị báo hiệu nổi	Báo hiệu thị giác	Báo hiệu vô tuyến (racon, AIS....)	Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	Nguồn cung cấp năng lượng tại trạm	Thiết bị thông tin liên lạc		Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu	Chỉ số khả dụng tính toán	Đánh giá chỉ số khả dụng		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
1	Luồng….														
2	…														

Mẫu số 2-C

BẢNG ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CÔNG TÁC
VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG…[Ghi tên luồng hàng hải]
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Tên báo hiệu	Cấp luồng	Loại báo hiệu	Chức năng của báo hiệu			Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu trên luồng		Chỉ số khả dụng của báo hiệu trên luồng				Ghi chú
				Vị trí báo hiệu nổi	Báo hiệu thị giác	Báo hiệu vô tuyến (racon, AIS…)	Báo hiệu ánh sáng	Nguồn cung cấp năng lượng	Thời gian đánh giá hoạt động của báo hiệu (ngày)	Thời gian báo hiệu không hoạt động (ngày)	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của 01 báo hiệu	Chỉ số khả dụng tính toán (A)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
I	**Đăng tiêu**												
1	…												
...	...												
II	**Phao báo hiệu**												
1	…												
...	...												
III	**Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu tại trạm**:												
1	Nguồn cung cấp năng lượng tại trạm:												
2	Thiết bị thông tin liên lạc*:*												
IV	**Công tác quản lý tại trạm:**												
1	Công tác ghi chép nhật ký tại trạm:												
2	Việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành:												
3	Đặc tính của báo hiệu hàng hải so với Thông báo hàng hải:												
4	**Dữ liệu AIS hoặc dữ liệu giám sát hành trình khác:**												
V	**Chỉ số khả dụng tổng hợp của báo hiệu hàng hải trên luồng:** ...%												

Mẫu số 2-D

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM TRA TỔNG QUAN, BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Tên luồng/đoạn luồng	Chiều dài công bố (km)	Số lần kiểm tra tổng quan thực hiện(1)				Số lần bảo trì thực hiện(2)				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
			06 tháng đầu năm		06 tháng cuối năm		06 tháng đầu năm		06 tháng cuối năm			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1	Tên luồng hàng hải…											
1.1	*Tên đoạn luồng ...*											
1.2	*Tên đoạn luồng ...*											
2	……..											
	TỔNG											

Ghi chú:
(1) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (6) và (7)
(2) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (10) và (11)

Mẫu số 2-E

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN HỆ THỐNG ĐÊ CHẮN SÓNG, ĐÊ CHẮN CÁT, KÈ HƯỚNG DÒNG, KÈ BẢO VỆ BỜ LUỒNG, CHỈNH TRỊ LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Tên đê, kè	Chiều dài đê kè (km)	Công tác kiểm tra thường xuyên	Hình dáng của đê, kè	Độ cao của đê, kè	Hành lang an toàn của đê, kè	Số lần kiểm tra thường xuyên đê kè thực hiện (1)				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
							06 tháng đầu năm		06 tháng cuối năm			
							Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1	Tên luồng…											
1.1	*Tên đoạn luồng ...*											
1.2	*Tên đoạn luồng ...*											
2	...											
	TỔNG											

Ghi chú:
(1) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (6) và (7)

Mẫu số 2-F

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC SƠN BẢO DƯỠNG BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Tên luồng/đoạn luồng	Số lượng sơn phao báo hiệu thực hiện (1)				Số lượng sơn tiêu báo hiệu thực hiện (2)				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
		06 tháng đầu năm		06 tháng cuối năm		06 tháng đầu năm		06 tháng cuối năm			
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
1	Tên luồng…										
1.1	*Tên đoạn luồng ...*										
1.2	*Tên đoạn luồng ...*										
2	……..										
	TỔNG										

Ghi chú:
(1) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (6) và (7)
(2) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (10) và (11)

Mẫu số 2-G

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TIẾP TẾ ĐỊNH KỲ TRẠM LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Tên luồng/đoạn luồng	Tuyến tiếp tế	Số lần tiếp tế thực hiện (1)				Phương tiện thực hiện tiếp tế (2)				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
			06 tháng đầu năm		06 tháng cuối năm		06 tháng đầu năm		06 tháng cuối năm			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1	Tên luồng …											
1.1	*Tên đoạn luồng ...*											
1.2	*Tên đoạn luồng ...*											
2	……..											
	TỔNG											

Ghi chú:
(1) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (6) và (7)
(2) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (10) và (11)

Mẫu số 2-H

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TIẾP TẾ TẠI CHỖ TRẠM LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Cung đường	Số lần tiếp tế thực hiện (1)				Phương tiện thực hiện tiếp tế (2)				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
I	**Tên đơn vị quản lý**										
1	Tên trạm quản lý luồng …										
2	....										

Ghi chú:
(1) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (5) và (6)
(2) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (9) và (10)

Mẫu số 2-I

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC THAY, THẢ PHAO BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Luồng hàng hải	Số lượng, khối lượng công tác thay, thả phao thực hiện[1]				Đánh giá chất lượng	Ghi chú
		06 tháng đầu năm		06 tháng cuối năm			
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Tên luồng …						
1.1	*Tên đoạn luồng ...*						
1.2	*Tên đoạn luồng ...*						
2	……..						
	TỔNG						

Ghi chú:

(1) Đối với công tác nghiệm thu 06 tháng đầu năm thì không sử dụng các cột (5) và (6)

Mẫu số 2-K

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC SỬA CHỮA CƠ KHÍ

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Tên sản phẩm sửa chữa cơ khí	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp sửa chữa/ chu kỳ kiểm tra	Nội dung công việc	Giấy chứng nhận đăng kiểm (nếu có)	Quyết định phê duyệt	Biên bản nghiệm thu hoàn thành	Đánh giá chất lượng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
I	**Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ**									
1	Tên phương tiện ...									
II	**Bảo trì, sửa chữa thiết bị**									
2	Tên thiết bị ...									
III	**Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét**									
	Tên đơn vị quản lý									
3	Hệ thống chống sét tại ...									
IV	**Bảo trì, sửa chữa máy phát điện**									
	Tên đơn vị quản lý...									
4	Tên máy phát điện ...									
V	**Bảo trì, sửa chữa phao báo hiệu**									
	Tên đơn vị quản lý ...									
5	Tên phao báo hiệu ...									

Mẫu số 2-L

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật theo thiết kế	Nội dung công việc	Khối lượng hoàn thành theo Hồ sơ hoàn công công trình	Khối lượng thay đổi so với Quyết định phê duyệt BCKTKT/ TKBVTC (nếu có)	Đánh giá chất lượng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Tên công trình ...						
2	...						

Mẫu số 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG KHẢO SÁT ĐỊNH KỲ PHỤC VỤ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI ĐỐI VỚI LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CẢ VỊ TRÍ ĐÓN TRẢ HOA TIÊU), KHU CHUYỂN TẢI, KHU NEO ĐẬU, KHU TRÁNH, TRÚ BÃO TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN
Tháng.../Quý... Năm...
(*Số: ..../BBNT)*

Hôm nay, ngày ….. tháng ….. năm 20..... Chúng tôi gồm:

I. Thành phần tham gia

- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....
- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....

II. Căn cứ nghiệm thu

.....

III. Kết quả nghiệm thu

.....

IV. Kết luận

.....

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3-A

BẢNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KHẢO SÁT ĐỊNH KỲ PHỤC VỤ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI ĐỐI VỚI LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CẢ VỊ TRÍ ĐÓN TRẢ HOA TIÊU), KHU CHUYỂN TẢI, KHU NEO ĐẬU, KHU TRÁNH, TRÚ BÃO TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Tên luồng	Tỷ lệ, cấp địa hình	Tần suất khảo sát	Hồ sơ khảo sát	Đánh giá chất lượng
1	Luồng/khu vực đón trả hoa tiêu/…				
...					

Hồ sơ kèm theo gồm (nếu có)...

Kết luận: ……..…

Mẫu số 04

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN
Tháng.../Quý... Năm...
(*Số: ..../BBNT)*

Hôm nay, ngày ….. tháng ….. năm 20..... Chúng tôi gồm:

I. Thành phần tham gia

- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....
- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....

II. Căn cứ nghiệm thu

.....

III. Kết quả nghiệm thu

.....

IV. Kết luận

.....

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 4-A

BẢNG ĐÁNH GIÁ DỊCH VỤ NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu ...)

TT	Tên nhiệm vụ	Khối lượng	Văn bản, hồ sơ pháp lý	Nguyên nhân sự cố	Thời gian khắc phục	Đánh giá chất lượng	Ghi chú
1	...						
2	...						

Mẫu số 5-A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOẠT ĐỘNG CỦA BÁO HIỆU DẪN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG

Thời gian: Tháng....năm...

STT	Tên luồng/ tên báo hiệu	Vị trí (hệ tọa độ WGS-84)		Tác dụng	Màu sắc	Đặc tính ánh sáng	Thông tin truyền phát (đối với báo hiệu vô tuyến)	Tình trạng hoạt động			Ghi chú
		Vĩ độ	Kinh độ					Tổng số ngày hoạt động	Số ngày báo hiệu ngừng hoạt động	Số ngày/thời gian đèn ngừng hoạt động	
I	Luồng...; trạm quản lý báo hiệu...; tổng số báo hiệu...										
1	Tên báo hiệu...										
2	...										
...											

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 5-B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÈN BIỂN.....

Tháng.....năm.....

Toạ độ địa lý:

Hệ VN-2000		**Hệ WGS-84**	
Vĩ độ (N)	**Kinh độ (E)**	**Vĩ độ (N)**	**Kinh độ (E)**
……	……	…….	……..

Địa điểm: .....

Đặc tính ánh sáng: .....

Tầm hiệu lực ánh sáng: .....

Tác dụng:.....

Tình trạng hoạt động của đèn biển trong tháng..... năm .....

1. Thời gian hoạt động của đèn:

- Tổng thời gian hoạt động của đèn trong tháng. …….. ngày.

- Thời gian sự cố phải ngừng hoạt động: …… ngày.

2. Hoạt động của thiết bị vô tuyến AIS, Racon (nếu có): .....

3. Kết luận: .....

4. Nhận xét của Đơn vị xác nhận: ......

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 5-C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày…….tháng……năm …….

BIÊN BẢN

XÁC NHẬN KẾT QUẢ KHẮC PHỤC VỤ VIỆC NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

Hôm nay, ngày…….tháng…….năm……., tại…….

1. Thành phần tham dự:

- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....
- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....

2. Thời gian, địa điểm, phương tiện phục vụ

- Thời gian:.....
- Địa điểm:.....
- Phương tiện thủy phục vụ (nếu có): ... ; Mã MMSI của phương tiện thủy:..
- Phương tiện đường bộ phục vụ (nếu có): .....

3. Nội dung: .....

4. Kết luận: .....

Biên bản được lập thành … bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ … bản.

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 5-D

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
XÁC NHẬN VỤ VIỆC ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

Hôm nay, ngày ….. tháng……năm ……, tại…….....

1. Thành phần tham dự:

- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....
- Ông/Bà: ……..... Chức vụ: …….....

2. Thời gian, địa điểm, phương tiện phục vụ

- Thời gian: .....
- Địa điểm: .....
- Phương tiện thủy phục vụ (nếu có): ..... ; Mã MMSI của phương tiện thủy:.....
- Phương tiện đường bộ phục vụ (nếu có): .....

3. Nội dung:

4. Kết luận: (Ghi rõ kết luận về nguyên nhân sự cố và phương án xử lý)

Biên bản được lập thành... bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ... bản.

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA
(Ký và ghi rõ họ tên)